

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 199/2022/HC-PT

Ngày: 22 - 3 - 2022

V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong việc cấp giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Ông Lê Văn An

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 675/2020/TLPT-HC ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2020/HC-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 395/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Hoàng L, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Số 63, Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Người bị kiện:

1/Ủy ban nhân dân huyện U (xin xét xử vắng mặt)

2/Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U (xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Bà Trần Thị Đ – sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

2/Bà Nguyễn Bích H, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Ông Trần Việt L3, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Ông Trần Nhật L1, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bà H, ông Việt L3, ông Nhật L1: Ông Trần Hoàng L, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Số 63, Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau

3/Ông Ngô Quốc S và bà Phạm Cẩm L2 (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

4/Bà Phạm Hồng N và ông Huỳnh Trọng Đ1 (chồng bà N) (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

5/Bà Trần Ngọc B, sinh năm 1960 (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 72, đường N1, Phường 5, thành phố Cà Mau.

(Bà B là vợ ông L Quang G, ông G đã chết).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Trần Hoàng L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện trình bày:

Năm 1936, ông Trần Văn K là cụ nội ông L tạo lập phần đất tại Vàm Kênh Biện N2, Khóm 3, thị trấn U Minh, huyện U. Sau tháng 8/1945, cụ K để lại phần đất cạnh ngang mặt tiền 57m, cạnh dài 104m cho con cháu quản lý, sử dụng; Còn lại phần đất cạnh ngang mặt tiền 33m, cạnh dài 98m cho bà Trần Thị T (em ruột ông K) sử dụng.

Năm 1985, gia đình ông L đến đào ao, nuôi cá, trồng cây và sinh sống trên phần đất cụ K để lại, đất có diện tích 5.928m². Năm 1987, chính quyền huyện U xây dựng cầu B2 có mời ông Trần Văn T1 (cha ruột ông L) và bà Hà Thị M1 (cô họ ông L) kiểm đếm bồi thường để xây dựng cầu. Ngày 03/5/1990, chính quyền huyện U ra Quyết định số 80/QĐ.UB tạm giao Xí nghiệp T2 1.015m² và Phòng quản lý ruộng đất 3.360m² đất đối với phần đất của gia đình ông để xây dựng trụ sở làm việc nhưng chỉ có Xí nghiệp T2 đến làm việc.

Năm 1997, ông T1 làm Đơn yêu cầu đòi đất, được những vị cao niên sinh sống tại thị trấn và ông Nguyễn Duy Q – Nguyên Bí thư huyện xác nhận.

Ngày 26/4/2017, ông làm Đơn yêu cầu xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 5.928m² (ngang 57m, dài 104m); Ngày 03/01/2018, Chủ tịch UBND huyện U ban hành Quyết định số 01/QĐ – UBND (Quyết định 01)

với nội dung: Không chấp nhận yêu cầu của ông về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 5.928m² đất.

Tháng 3/2018, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định 01; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất số CE 839868 do Ủy ban nhân dân huyện U cấp cho bà Trần Thị Đ diện tích 300m² (Giấy CN của bà Đ) và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất số BU 146207 do Ủy ban nhân dân huyện U cấp cho bà Phạm Hồng N diện tích 100m² (Giấy CN của bà N).

Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2018/HC – ST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử: Bác khởi kiện của ông về việc yêu cầu hủy Quyết định 01. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông về việc hủy Giấy CN của bà Đ và Giấy CN của bà N.

Bản án hành chính phúc thẩm số 101/2019/HC – PT ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 11/2018/HC – ST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau; Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Nay ông L tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định 01; Hủy Giấy CN của bà Đ; Hủy Giấy CN của bà N và hủy các quyết định khác trái pháp luật có liên quan.

Người bị kiện trình bày:

Hồ sơ địa chính và các giấy tờ có liên quan sao lục được tại Cục Công nghệ thông tin – Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn từ năm 1927 đến 1954 đối với khu đất ông L yêu cầu chỉ có hồ sơ địa chính được lập năm 1927 (bản đồ và mục kê). Hồ sơ địa chính này thể hiện vị trí, khu đất tờ bản đồ số 01, lots (lót) 03, xã K1, tỉnh A (Bạc Liêu cũ), diện tích 7.000m² là đất công sản Quốc gia (Domaine local) đã chính lý tên Trần T3.

Hồ sơ quản lý đất đai hiện nay (bản đồ 299 năm 1995) không có phần đất nào do ông L đứng tên. Vị trí đất ông L yêu cầu là đất do Nhà nước quản lý từ năm 1990 theo Quyết định số 80/QĐ.UB ngày 03/5/1990 về việc tạm giao QSD đất cho Xí nghiệp T2, Phòng Quản lý ruộng đất quản lý. Ngày 03/01/2018, Chủ tịch UBND huyện U ban hành Quyết định 01 không chấp nhận đơn yêu cầu của ông L là đúng quy định của pháp luật, do ông L không có các loại giấy tờ theo quy định của Luật Đất đai 2013.

Bà Trần Thị Đ trình bày: Phần đất 300m² được cấp quyền sử dụng là phần đất bà chuyển nhượng của ông Trần Văn H1 vào năm 1993. Do đó, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng L.

Bà Trần Ngọc B trình bày: Đất được Ủy ban nhân dân huyện U cấp cho chồng Lâm Quang G từ năm 1984. Quá trình quản lý sử dụng ổn định và không tranh chấp. Do Giấy tờ bị thất lạc nên làm Đơn gửi Phòng Tài nguyên và Môi

trường huyện U xin cấp lại; Ủy ban nhân dân huyện U cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2012.

Ông Ngô Quốc S và bà Phan Cẩm L2 trình bày: Năm 1992, ông Trần Quang V được Ủy ban nhân dân huyện giải quyết cho cất nhà ở tại phần đất thuộc quyền quản lý của Xí nghiệp T2. Năm 1998, do chuyển công tác nên ông V cho toàn bộ nhà cho vợ chồng (ông S và bà L2). Quá trình ở, vợ chồng có san lấp diện tích đất 5m x 30m, độ cao 1,5m. Nếu thu hồi phần đất thì yêu cầu hỗ trợ, bồi thường thành quả lao động.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2020/HC-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định như sau:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng L về việc hủy Quyết định số 01/QĐ – UBND ngày 03/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng L về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 839868 do Ủy ban nhân dân huyện U cấp cho bà Trần Thị Đ diện tích 300m².

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng L về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 146207 do Ủy ban nhân dân huyện U cấp cho bà Phạm Hồng N diện tích 100m².

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng L về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 848373 do Ủy ban nhân dân huyện U cấp cho ông Lâm Quang G và bà Trần Ngọc B diện tích 1.769,7m².

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/9/2020 người khởi kiện ông Trần Hoàng L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Trần Hoàng L thay đổi nội dung kháng cáo, chỉ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND có nội dung không chấp nhận yêu cầu của ông về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 5.928m² tại Vàm Kênh Biện N2, khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau; Không đề nghị xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Trần Thị Đ, bà Phạm Hồng N. Người bị kiện xin xét xử vắng mặt.

Trong phần tranh luận, người khởi kiện trình bày: Trong quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông với bà Đ không có nội dung sang bán. Phần đất ông đang sử dụng không có tranh chấp, nhưng do Ủy ban nhân dân huyện U ra các quyết định trái pháp luật gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Không thể nào trên một phần đất mà có 02 quyền sở hữu, việc giao đất cho dân thì phải có phương án được duyệt. Trong khi phần đất ông đã canh tác quản lý sử dụng nhưng Ủy ban nhân dân lại giao đất cho bà Đ. Khi cấp đất cho ông G, ông G

không ở bỏ đi sau đó bán cho người khác, khi gia đình ông làm đơn thì không được giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án: Tại biên bản đối thoại, chính quyền địa phương xác nhận phần đất ông L xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông K khai phá, phù hợp với kết quả sao lục hồ sơ địa chính. Tuy nhiên theo lời trình bày ông L tại cấp sơ thẩm và nội dung xác nhận nguồn gốc khi chiến tranh thì gia đình ông sơ tán. Đến năm 1985, gia đình ông quay về thì phần đất đó bà Tám quản lý sử dụng, và trên đất có nhà của một số người sử dụng. Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện U trưng dụng phần đất này theo Quyết định 80/QĐ-UB, nhưng gia đình ông L không có khiếu nại khởi kiện quyết định này. Khi xây cầu kênh Biện N2, cơ quan Nhà nước đã có đối thoại với gia đình ông L, không bồi thường về đất nhưng gia đình ông L không có khiếu nại. Hồ sơ vụ án không có chứng cứ chứng minh Nhà nước đã giao lại phần đất cho gia đình ông L sử dụng. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện U ban hành quyết định 01/QĐ-UBND là có căn cứ.

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Đ, bà N: Ủy ban nhân dân huyện U cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đ, bà N là đúng quy định pháp luật, nên yêu cầu của ông L là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Hoàng L làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập, xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Luật tố tụng hành chính năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Nội dung vụ án:

Người khởi kiện ông Trần Hoàng L cho rằng phần đất có diện tích 5.928m² là di sản thừa kế của cụ K để lại. Hàng thừa kế thứ nhất là ông Trần Hoàng H2 (anh ông T1) và ông Trần Văn T1 (cha ruột của ông). Năm 1987, ông H2 đã ủy quyền giao toàn bộ di sản thừa kế cho ông T1 hưởng. Sau đó, ông T1

đã cho lại ông toàn bộ phần đất này. Ngày 26/4/2017 ông L làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này. Ngày 03/01/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U có Quyết định số 01/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích trên của ông L. Do đó, ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện U đã cấp cho bà Trần Thị Đ, bà Phạm Hồng N (trước đây là cấp cho bà Trần Ngọc B).

Người bị kiện cho rằng các quyết định hành chính bị kiện được ban hành đúng quy định pháp luật, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện.

[3] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Hoàng L:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L thay đổi nội dung kháng cáo, chỉ yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện U cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất ông đang sử dụng. Xét thấy, việc xem xét yêu cầu của ông L có liên quan đến các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn xem xét các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên do là quyết định hành chính có liên quan đến quyết định bị kiện.

[3.2] Phần đất ông L yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có vị trí: Hướng Đông giáp đất ông Trần Văn H3, hướng Tây giáp kênh xáng (nhà ông Phan Ngọc H4), hướng Nam giáp kênh Biện N2, hướng Bắc giáp khu tập thể Ngân hàng.

Ngày 17/10/2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tiến hành đo đạc, xác minh định vị phần đất mà Ủy ban nhân dân huyện giao cho Xí nghiệp T2 và Phòng Quản lý ruộng đất theo Quyết định 80/QĐ.UB ngày 03/5/1990. Qua đối chiếu thì phần đất 5.928m² ông L yêu cầu có vị trí trùng với phần đất Ủy ban nhân dân huyện giao cho Xí nghiệp T2 và Phòng Quản lý ruộng đất. Tại cấp sơ thẩm, ông L xác định phần đất ông yêu cầu chính là phần đất mà Ủy ban nhân dân huyện giao cho Xí nghiệp T2 và Phòng Quản lý ruộng đất theo Quyết định 80/QĐ.UB.

Năm 1990 Nhà nước đã giao phần đất này cho Xí nghiệp T2 và Phòng Quản lý ruộng đất bằng Quyết định 80/QĐ.UB. Quyết định này không bị khiếu nại theo quy định của pháp luật và đã có hiệu lực pháp lực. Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật Đất đai 1993, khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai 2003, khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai 2013 quy định thì Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước.

[3.3] Mặt khác, ngày 19/9/1997 ông Trần Văn T1 (cha ông L) có Giấy xác nhận nội dung: Phần đất ông Trần Văn K khai khẩn cạnh mặt tiền 90m, cạnh từ tiền đến hậu 98m, thời kỳ kháng chiến chống pháp đất chia ra để lập vườn và trồng cây lâu năm, cụ thể: Trần Thị T (em ruột cụ K) mặt tiền 33m, dài tới hậu

98m (đất này cho Trần Văn H3 ở giữ mô mã và vườn); Trần Thị V1 (em ruột cụ K) mặt tiền 18m, dài tới hậu 98m; Trần Văn H5 có tên là Trần Hoàng Đ2 con thứ 5 của Trần Văn K mặt tiền 39m, dài tới hậu 98m. Nội dung Giấy xác nhận này phù hợp với xác nhận ngày 03/5/2006 của ông Nguyễn Duy Q.

Vậy, mặc dù phần đất mà ông L yêu cầu có nguồn gốc của cụ K khai phá nhưng từ những năm còn chiến tranh phần đất này cụ K đã giao lại ông Trần Văn H5 (Trần Văn Đ2) quản lý, sử dụng, sau hòa bình lập lại ông Đ2 cũng là người sử dụng. Khi bắt đầu B2 thì ông H2 ủy quyền cho ông T1 thay mặt ông H2 trao đổi với các cấp ở huyện U. Hồ sơ vụ án không có chứng cứ nào chứng minh là đã phần đất này cụ K chuyển quyền sử dụng lại cho ông L hoặc ông T1 (cha ông L) hay ông H2 đã chuyển quyền sử dụng lại cho ông L hoặc ông T1. Ngoài ra, ông L cũng không có chứng cứ nào để chứng minh toàn bộ phần đất này gia đình ông quản lý, sử dụng từ năm 1985 đến nay. Trong hồ sơ kê khai địa chính cũng không thể hiện ông L hoặc ông T1 có kê khai toàn bộ phần đất này. ông L yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 5.928m² đất nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ theo quy định Điều 49 và 50 Luật Đất đai 2003 và Điều 99, 100 và 101 Luật Đất đai 2013, Điều 21 Nghị Định 43/2014/NĐ – CP.

[3.4] Hơn nữa, năm 2009 ông L yêu cầu đòi lại 5.928m² đất, ngày 15/12/2009 Ủy ban nhân dân huyện U ban hành Quyết định 2360/QĐ – UBND bác đơn yêu cầu đòi đất của ông L. Ngày 27/11/2011, ông T1 (cha ruột ông L) có Đơn yêu cầu được cấp quyền sử dụng diện tích 5.928m² đất. Ngày 02/12/2012, Ủy ban nhân dân huyện U có Văn bản số 108/UBND-NĐ trả lời ông T1 với nội dung: Xét thấy đơn yêu cầu của ông T1 không thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện. Bởi, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu mà một bên hoặc các bên đương sự không đồng ý với quyết định giải quyết thì có quyền khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc khởi kiện ra Tòa hành chính. Tuy nhiên, ông L, ông T1 không có khiếu nại Quyết định 2360/QĐ – UBND đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc khởi kiện tại Tòa án.

[3.5] Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đ: Nguồn gốc đất do bà Đ chuyển nhượng của ông Trần Văn H1 vào năm 1993. Phần đất 300m² này trong tổng thể phần đất 5.928m² ông L yêu cầu cấp quyền sử dụng đất nhưng không liên quan đến phần đất 232m² ông L được giao. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Lâm về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Đ là có căn cứ.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà N: Nguồn gốc đất do bà N chuyển nhượng của ông Lâm Quang G và Trần Ngọc B vào năm 2014. Phần đất 100m² này trong tổng thể 1.769,7m² đất ông G và Bà B được Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2012. Phần đất 1.769,7m² này gia đình ông G quản lý, sử dụng và có tên trong Sổ mục kê địa chính năm 2002 tại thửa 76, tờ bản đồ số 29. Phần đất trên của bà N, Bà B không ảnh hưởng đến phần đất 232m² ông L được giao. Tòa án cấp sơ thẩm

không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Lâm về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Bà B (sau này là chuyển sang tên bà N) là có căn cứ.

[3.6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. ông L có kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Hoàng L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính,

1. Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Hoàng L; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 14/2020/HC-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Áp dụng Điều 99, 100 và 101, khoản 5 Điều 26 Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng L về việc

- Hủy Quyết định số 01/QĐ – UBND ngày 03/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 839868 do Ủy ban nhân dân huyện U cấp cho bà Trần Thị Đ diện tích 300m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 146207 do Ủy ban nhân dân huyện U cấp cho bà Phạm Hồng N diện tích 100m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 848373 do Ủy ban nhân dân huyện U cấp cho ông Lâm Quang G và bà Trần Ngọc B diện tích 1.769,7m².

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Hoàng L phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000045 ngày 01/9/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn An Nguyễn Văn Khương

Trần Văn Mười

